

Số: 09 /BC-VP

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2015



BÁO CÁO

Kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014, tỉnh Phú Thọ

05/3/15

Thực hiện văn bản số: 186/TCTL-GNTT ngày 09/2/2015 của Tổng cục Thủy Lợi về việc báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014.

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-BNN-TCTL ngày 14/4/2014 của Bộ NN và PTNT ban hành bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn theo dõi đánh giá thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”;

Căn cứ Kế hoạch số 245/KH-UBND ngày 25/01/2010 của UBND tỉnh Phú Thọ về thực hiện Đề án: Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão tỉnh tổng hợp, báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014, tỉnh Phú Thọ như sau:

I. Kế hoạch thực hiện đề án đã phê duyệt:

Thực hiện Quyết định số: 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; UBND tỉnh Phú Thọ đã ban hành các văn bản thực hiện gồm:

- Kế hoạch số: 245/KH-UBND ngày 25/01/2010 của UBND tỉnh Phú Thọ về thực hiện Đề án: Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Văn bản số 2089 /BC-KT5 ngày 11/6/2013 về việc đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2013.

- Báo cáo số 158/BC-UBND ngày 14/8/2013 về kết quả thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2013, kế hoạch năm 2014.

34/15

II. Kết quả 5 năm thực hiện:

Chi tiết kết quả 5 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014 được thể hiện trong phụ lục 6: Báo cáo theo dõi đánh giá cấp tỉnh kèm theo.

III. Đánh giá quá trình và kết quả thực hiện:

1. Cơ cấu tổ chức:

- UBND tỉnh Phú Thọ, Ban chỉ huy PCLB tỉnh là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện triển khai kế hoạch thực hiện Đề án của tỉnh ;

- Sở NN và PTNT tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án;

- Chi cục Đê điều và PCLB (Văn phòng Ban chỉ huy PCLB tỉnh) là cơ quan thường trực triển khai kế hoạch thực hiện đề án;

- UBND tỉnh đã ban hành các quyết định: Phê duyệt danh sách cán bộ tham gia kế hoạch đào tạo đội ngũ giảng viên cấp tỉnh thực hiện Đề án gồm 21 đồng chí; thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh với 46 thành viên; Phê duyệt 5 xã thí điểm và danh sách giảng viên cấp tỉnh tham gia kế hoạch đào tạo, tập huấn để thực hiện Đề án.

- 03 xã đã thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã và nhóm cộng đồng; 06 xã thành lập đội quản lý thiên tai. Tổng số người tham gia là 165 thành viên.

- Hàng năm các cấp chính quyền từ tỉnh, huyện, xã; các sở, ngành liên quan Ban chỉ huy PCLB – TKCN và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.

2. Các hoạt động đã triển khai trên địa bàn tỉnh từ 2009-2014:

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng cục Thủy lợi, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện và giao Sở NN và PTNT đề xuất, phối hợp với Bộ, ngành trung ương; các sở, ban, ngành của tỉnh và các tổ chức phi chính phủ thực hiện các hoạt động của Đề án nêu trên, kết quả các hoạt động đã triển khai trên địa bàn tỉnh từ 2009-2014 cụ thể:

- Các cán bộ đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD gồm: 13 giảng viên cấp tỉnh, 28 thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh và 163 cán bộ thuộc cấp huyện, cấp xã.

- Bình quân mỗi năm tỉnh Phú Thọ mở 14 lớp tập huấn cho 1.100 cán bộ tham gia công tác PCLB; tổ chức 10 cuộc diễn tập PCLB và tìm kiếm cứu nạn tại cấp xã.

- Từ năm 2011-2013 phối hợp với tổ chức Plan tại Phú Thọ thực hiện 02 Dự án gồm: Dự án QLRRTT dựa vào CD lấy trẻ em làm trung tâm và Dự án “Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu Plan – AECID giai đoạn 2” trên địa bàn 6 xã Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, Lệnh Khanh Vô Tranh, huyện Hạ Hòa, kết quả cụ thể:

+ Tổ chức 04 cuộc hội thảo, họp nhóm cấp tỉnh và huyện giới về đề án 1002 và hội thảo lồng ghép kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương với 166 lượt người là cán bộ các Sở, Ban, Ngành và các huyện thành thị tham gia.

+ Tổ chức 6 lớp tập huấn giảng viên nguồn cấp tỉnh và mở rộng cấp huyện, xã về đánh giá và lập kế hoạch QLRRTT dựa vào cộng đồng, phương pháp và kỹ năng truyền thông với 398 lượt người tham gia.

+ Tổ chức 08 lớp tập huấn về sơ cấp cứu tại 6 xã cho 240 lượt người tham gia.

+ Tổ chức 01 lớp tập huấn về giáo dục, biến đổi khí hậu trong trường học tại cấp huyện cho 24 giáo viên tiểu học và THCS của 4 xã: Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, huyện Hạ Hòa.

+ Tổ chức đánh giá, lập kế hoạch GNRRTT và thích ứng với biến đổi khí hậu có sự tham gia của cộng đồng tại 06 xã; tổ chức 429 buổi truyền thông và sự kiện truyền thông tại cộng đồng và trường học với 13790 lượt người tham gia.

+ Trang bị cho 6 xã thuộc dự án trang thiết bị cứu hộ cứu nạn (như áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, đèn tích điện, cáng thương, ủng, áo mưa...).

- Năm 2014 phối hợp với Trung tâm PT và GNTT, Trung ương Hội phụ nữ Việt Nam thực hiện tổ chức tập huấn cho 3 xã thí điểm về Quản lý rủi ro thiên tai và đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng có lồng ghép giới cho cán bộ cấp xã, thôn tại 03 xã Quang Húc, Tứ Mỹ, Hùng Đô thuộc huyện Tam Nông cho 45 cán bộ nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, nhóm cộng đồng và trên 450 người dân được tham gia vào công tác đánh giá rủi ro thiên tai địa phương. Nguồn kinh phí của Chương trình phát triển Liên hiệp quốc tại Việt Nam (UNDP) hỗ trợ.

3. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2014 là 3.932 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện:

+ Ngân sách tỉnh: 1.982 triệu đồng (kinh phí phục vụ hoạt động của Ban chỉ huy PCLB tỉnh).

+ Tổ chức phi chính phủ hỗ trợ (Plan và UNDP): 1.950 triệu đồng.

IV. Khó khăn vướng mắc.

- Trong những năm qua ngân sách Trung ương cấp để triển khai thực hiện Đề án không có, nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn chế nên các hoạt động triển khai của dự án đều phải dựa vào các nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ và lồng ghép vào các hoạt động của phòng chống lụt bão nên kết quả chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

- Các cán bộ thực hiện đề án từ cấp tỉnh đến cấp huyện xã đều làm kiêm nhiệm chưa có đội ngũ chuyên trách nên gặp khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Mặc dù các giảng viên và thành viên nhóm hỗ thuật kỹ thuật rất nhiệt tình phối hợp thực hiện, tuy nhiên do làm kiêm nhiệm nên khi cần huy động tại một số thời điểm còn hạn chế.

V. Đề xuất, kiến nghị:

Để triển khai thực hiện đề án đúng kế hoạch và có hiệu quả, Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão tỉnh đề nghị Tổng cục Thủy Lợi, Trung tâm phòng tránh và GNTT đề xuất, báo cáo với Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Bộ, Ngành Trung ương một số nội dung sau:

- Ban hành bộ tiêu chí lựa chọn 6000 xã ưu tiên thực hiện Đề án để tỉnh Phú Thọ có cơ sở triển khai thực hiện.

- Tiếp tục hỗ trợ tỉnh tổ chức thực hiện tập huấn cho 02 xã thí điểm còn lại về Quản lý rủi ro thiên tai và đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ cấp xã, thôn và nhân rộng ra các xã tiếp theo.

- Bố trí nguồn kinh phí hàng năm cho tỉnh để triển khai thực hiện các hoạt động của đề án.

Trên đây là báo cáo của Ban chỉ huy PCLB tỉnh Phú Thọ./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Tổng cục Thủy Lợi (b/c);
- Trung tâm PT & GNTT;
- TB, các PTB (b/c);
- UVTT(b/c);
- Lưu: VP. *lv*



Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
		-3	-4	-5		-6
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	0	Huyện A:		
				Huyện B:		
						
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	150 người	Huyện Tam Nông	Xã Hùng Đô, Quang Húc, Từ Mỹ:	năm 2014: 30 cán bộ; kinh phí 150 triệu do TT PT & GNTT và TW hội phụ nữ tổ chức; nguồn tài trợ của UNDP
				Huyện Hạ Hòa	Xã Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, Vô Tranh, Lệnh Khanh	năm (2011-2013) thành lập 6 Đội quản lý thiên tai với 120 người; kinh phí 1800 triệu do Tổ chức Plan và huyện Hạ Hòa; nguồn tài trợ do Tổ chức Plan tài trợ
						
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	15 người	Huyện Tam Nông	Xã Hùng Đô, Quang Húc, Từ Mỹ:	năm 2014: 15 cán bộ; kinh phí 150 triệu do TT PT & GNTT và TW hội phụ nữ tổ chức; nguồn tài trợ của UNDP
				Huyện :	Xã A:	
					Xã B:	
Chỉ số 7A= 7A1/7A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm	Số lượng	13		5%	- Tuyên truyền qua phương tiện thông tin truyền thanh của xã, tổ chức tập huấn diễn tập
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (7A2)	Số lượng	277			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
	-1	-2	-3	-4	-5	-6
Chỉ số 8A	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Lượt người dân	14890	Huyện Tam Nông Xã Hùng Đỏ, Quang Hùng, Tứ Mỹ: Huyện Hạ Hòa Xã Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, Vô Tranh, Lệnh Khanh	- Tổ chức sự kiện, tập huấn kỹ thuật hồ đề và PCCT, đăng tải bản tin trên báo Phú Thọ, đài truyền hình tỉnh, đài phát thanh các huyện, xã
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai điển tập hàng năm	Số lượng xã của tỉnh đã triển khai điển tập hàng năm (9A1) Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (9A2)	Số lượng	10xã/năm 277	3,61	- Loại hình điển tập: điển tập đi dân ra khỏi khu vực bị lũ quét, sụt lún đất, phòng chống giông lốc, ...; Đơn vị tổ chức UBND cấp xã; kinh phí 45 triệu/ xã; nguồn kinh phí ngân sách huyện
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có/Chưa có	Đã có		- Tài liệu hướng dẫn đánh giá RR TT DVCD; Tài liệu QLRR thiên tai DVCD dành cho cấp xã; Tài liệu hướng dẫn tổ chức thực hiện đề án...
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100 %	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn (10B1) Tổng số huyện nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (10B2)	Số lượng	0	0	
			Số lượng	13		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị	
				của các chỉ số tỷ lệ (%)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6
Chỉ số 10C= 10C1/10C2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRIT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCCTL ban hành để tập huấn (10C1)	Số lượng	0	0	
Chỉ số 11A1	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (10C2)	Số lượng	277		
	Tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Đã có/Chưa có	Chưa có	0	
Chỉ số 11B= 11B1/11B2*100%	Số lượng huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	0	0	
	Tổng số huyện nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11B2)	Số lượng	13		
Chỉ số 11C= 11C1/11C2*100%	Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	0	0	
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11C2)	Số lượng	277		
Chỉ số 12A= 12A1/12A2*100%	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng (12A1)	Số lượng	9	3,25	Xã Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, Vô Tranh, Lệnh Khanh; Xã Hùng Đô, Quang Húc, Từ Mỹ;
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (12A2)	Số lượng	277		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
	-1	-2	-3	-4	-5	-6
Chỉ số 13A= 13A1/13A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXXH của địa phương	Số lượng xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXXH của địa phương (13A1)	Số lượng	9	3,25	Xã Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, Võ Tranh, Lệnh Khanh; Xã Hùng Đô, Quang Hùng, Tứ Mỹ;
Chỉ số 14A= 14A1/14A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14A1)	Số lượng	9	3,25	Xã Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, Võ Tranh, Lệnh Khanh do tổ chức Plan tài trợ; Xã Hùng Đô, Quang Hùng, Tứ Mỹ do tổ chức UNDP tài trợ. Tổng kinh phí 1.950 triệu đồng
Chỉ số 14B= 14AB1/14B2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14B1)	Số lượng	9	3,25	Xã Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, Võ Tranh, Lệnh Khanh do tổ chức Plan tài trợ; Xã Hùng Đô, Quang Hùng, Tứ Mỹ do tổ chức UNDP tài trợ. Tổng kinh phí 1.950 triệu đồng
Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê chi tiết	01 máy tính để bàn, 02 máy in; 01 máy chiếu + màn chiếu, 01 máy tính sách tay; 01 máy ảnh...		Sử dụng các trang thiết bị của Văn phòng Ban chỉ huy PCLB tỉnh
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê chi tiết	13 huyện thành thị		Sử dụng các trang thiết bị của Văn phòng Ban chỉ huy PCLB huyện
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê chi tiết	Huyện Hà Hòa Xã Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, Võ Tranh, Lệnh Khanh		- tổng 6 xã có: 54 thuyền nan, 77 loa tay, 200 áo mưa, 200 ủng, 144 đèn tích điện, 200 đèn pin tay chịu nước, 680 áo phao, 425 phao cứu sinh, 38 cánh cứu thương; năm thực hiện (2011-2013) do tổ chức Plan tài trợ

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
	-2	-3	-4	-5		-6
Chỉ số 16A1	Số lượng tình có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Tình có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Đã có/Chưa có	Chưa có		
Chỉ số 17A= 17A1/17A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai (17A1)	Số lượng	- 100% xã có hệ thống loa truyền thanh; xã có biển báo KV nguy hiểm và cột báo lũ	1,4	04 xã : Xã Văn Lang, Bằng Giã, Vô Tranh, Lệnh Khanh; năm thực hiện 2011-2013; kinh phí do tổ chức Plan tài trợ
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %	40%		
Chỉ số 19A= 19A1/19A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng	Số lượng xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng (19A1)	Số lượng	4	1,4	04 xã : Xã Văn Lang, Bằng Giã, Vô Tranh, Lệnh Khanh: gồm 1,060,6m đường tránh lũ, 02 cống tiêu úng, 01 hệ thống trạm bơm và kênh
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ %	1,4	Huyện Hạ Hòa	04 xã : Xã Văn Lang, Bằng Giã, Vô Tranh, Lệnh Khanh: gồm 1,060,6m đường tránh lũ, 02 cống tiêu úng, 01 hệ thống trạm bơm và kênh
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22A1)	Số lượng 0	Nam:	0	
				Nữ:		
				Nam:		
				Nữ:		
		Số lượng: 6398				Niên giám thống kê tỉnh 2013

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
	-1	-2	-3	-4	-5	-6
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22B1) Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22B2)	Số lượng: 83 Nam: Nữ: Nam: 1023 Nữ: 5752	1,23	Niên giám thống kê tính 2013	
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT Tổng số giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh	Số lượng: 64 Nam: Nữ: Nam: 1013 Nữ: 4303	1,13	Niên giám thống kê tính 2013	
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D1) Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (22D2)	Số lượng: 0 Nam: Nữ: Nam: Nữ: 1515	0	Niên giám thống kê tính 2013	
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22E1) Tổng số giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)	Số lượng: 0 Nam: Nữ: Nam: Nữ:	0	Niên giám thống kê tính 2013	
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1) Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng: 0 Nam: 0 Nữ: 0 Nam: 723 Nữ: 757	0	Niên giám thống kê tính 2013	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
-1	-2	-3	-4	-5		-6
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100%	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1)	Số lượng 0	Nam:0 Nữ:0			Niên giám thống kê tỉnh 2013
	Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng 613	Nam:267 Nữ:346			
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng 1	Nam: 0 Nữ: 1			
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng	0			
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng	0			
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %	0	Huyện A: Huyện B:		
	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %	1,23	Huyện : Tam Nông Huyện Hạ Hòa:		
	Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %	1,13	Huyện Hạ Hòa:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
	-1	-2	-3	-4	-5	-6
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D1) Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D2)	Số lượng SỐ LƯỢNG SỐ LƯỢNG SỐ LƯỢNG	Nam: Nữ: Nam: Nữ:	0	
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22E1) Tổng số giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)	Số lượng SỐ LƯỢNG SỐ LƯỢNG SỐ LƯỢNG	Nam: Nữ: Nam: Nữ:	0	
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1) Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng SỐ LƯỢNG SỐ LƯỢNG SỐ LƯỢNG	Nam: Nữ: Nam: Nữ:	0	
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1) Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng SỐ LƯỢNG SỐ LƯỢNG SỐ LƯỢNG	Nam: Nữ: Nam: Nữ:	0	
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng 1	Nam: Nữ: 1	0	
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng 0	Huyện A: Huyện B: 	0	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
-1	-2	-3	-4	-5		-6
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng 0	Huyện A Xã A: Xã B: ... Huyện B Xã A: Xã B: ...	0		
Chỉ số 24A= 24A1/24A2*100%	Tỷ lệ các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng		0		Niên giám thống kê tỉnh 2013
Chỉ số 24B= 24B1/24B2*100%	Tỷ lệ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng	312	0		Niên giám thống kê tỉnh 2013
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100%	Tỷ lệ các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng	0	0		Niên giám thống kê tỉnh 2013
Chỉ số 24D= 24D1/24D2*100%	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng	253	0		Niên giám thống kê tỉnh 2013
		Số lượng	44	0		Niên giám thống kê tỉnh 2013

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
	-1	-3	-4	-5		-6
Chỉ số 24E= 24E1/24E2*10 0%	Tỷ lệ các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	0	0		
Chỉ số 24F= 24F1/24F2*10 0%	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng		0		
Chỉ số 24G= 24G1/24G2*1 00%	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	2	0		
Chỉ số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	0			
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	0			
Chỉ số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	0			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
	-1	-3	-4	-5		-6
Chỉ số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	0			
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng	3			
Chỉ số 27C= 27C1/27C2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	(Liệt kê danh sách các dự án)	- Dự án QLRRTT đưa vào CD lấy trẻ em làm trung tâm tại 4 xã thuộc huyện Hạ Hòa; Dự án “Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu Plan – AECID giai đoạn 2” trên địa bàn các xã Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, Lệnh Khanh Vô Tranh, huyện Hạ Hòa ; Dự án đào tạo cán bộ cấp xã về QLRRTT đưa vào cộng đồng tại xã Hùng Đỗ, Quang Húc, Từ Mỹ huyện Tam Nông			
Chỉ số 27D= 27D1/27D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng (5 năm)	1982	100		Kinh phí phục vụ hoạt động của VP BCH PCLB
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng (5 năm)	1982	0		
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Số lượng	0			
		Tỷ lệ %	100	13 huyện, thành, thị		Tổ chức diễn tập cấp xã và tập huấn PCLB
		Tỷ lệ %	0			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
				của các chỉ số tỷ lệ (%)		
	-1	-2	-3	-4	-5	-6
Chỉ số 27G	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %	0	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 28C= 28C1/28C2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (28C1)	Số lượng	1950	100	
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (28C2)	Số lượng	1950		
Chỉ số 28D= 28D1/28D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D1)	Số lượng	0		
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D2)	Số lượng	0		
Chỉ số 28E	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %	100	Huyện Tam Nông:	
					Huyện Hạ Hòa:	
						
Chỉ số 28G	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ %	100	Huyện Tam Nông	Nguồn tài trợ của UNDP
					Huyện Hạ Hòa	
						
					Xã Hùng Dỏ, Quang Húc, Tứ Mỹ: Xã Văn Lang, Bằng Giã, Minh Côi và Y Sơn, Vô Tranh, Lệnh Khanh	Tổ chức Plan

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị		Thông tin bổ sung
-1		-2	-3	-4	của các chỉ số tỷ lệ (%)		
Chỉ số 29C= 29C1/29C2*10 0%	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp đã được giải ngân của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (29C1)	Số lượng	0	0	-5	-6
	Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (29C2)		Số lượng	0			
Chỉ số 29E	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %	0	Huyện A: Huyện B:		
Chỉ số 29G	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %	0	Huyện A	Xã A:	
						Xã B:	
							
						Xã A:	
					Huyện B	Xã B:	
							
							